

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 26-5-2023

V/v: Chia TS chung sau khi ly hôn
giữa bà Hà và ông Trạm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Mai Hương

Các thẩm phán: Ông Lại Văn Tùng

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:

Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên

Trong các ngày 23 và 26 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở, Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06-02-2023 về việc “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/HNGĐ-ST ngày 30-11-2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐ-PT ngày 04-4-2023 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Nơi thường trú: Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định.

+ Bị đơn: Ông Bùi Văn Tr, sinh năm 1966

- *Người đại diện theo pháp luật của ông Trạm:* Anh Bùi Thế A, sinh năm 1997 (con trai của ông Trạm)

Điều thường trú tại: Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định.

- *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho phía bị đơn:* Luật sư Trần Viết Hưng và Luật sư Hà Đắc Hải - Văn phòng Luật sư công lý, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

+ **Người kháng cáo:** Anh Bùi Thế A (người đại diện theo pháp luật của bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Năm 1996, bà Hà và ông Trạm tự nguyện kết hôn với nhau. Hiện nay ông bà đã ly hôn theo bản án số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02/03/2021 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định. Trước khi ly hôn, bà Hà và ông Trạm có các tài sản chung gồm: Quyền sử dụng đất ở với diện tích 155m² nằm tại thửa 270, tờ bản đồ số 23 ở Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, trên phần diện tích đất này có xây dựng căn nhà hai tầng có công trình phụ khép kín vào năm 2003; Quyền sử dụng đất vườn với diện tích 190m² nằm tại thửa 265, tờ bản đồ số 23 ở Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định; Quyền sử dụng đất ở với diện tích 70m² nằm tại thửa 71, tờ bản đồ số 22 ở Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, trên phần diện tích đất này có xây dựng căn nhà ba tầng công trình khép kín. Tất cả các thửa đất nói trên đều đã được cấp GCNQSDĐ mang tên bà Hà và ông Trạm. Ngoài ra, vào năm 2020 và 2021, bà Hà và ông Trạm có vay của Ngân hàng công thương Việt Nam, chi nhánh tại Nam Định ba lần tổng số tiền là 1.000.000.000 đồng. Hiện chưa trả được gốc và lãi phát sinh. Bà Hà xác định đây là khoản nợ chung của hai người. Bà Hà đề nghị chia tài sản, công nợ chung của ông bà theo quy định của pháp luật. Bà đề nghị Tòa án chia cho bà quyền đất ở với diện tích 70m² nằm tại thửa 71, tờ bản đồ số 22 ở Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H đề nghị: Căn cứ Điều 37, Điều 59 Luật HNGĐ đề nghị:

Về tài sản: Chia cho bà Hà được quyền sử dụng đất nằm tại thửa 71, tờ bản đồ số 22 ở Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định và quyền sở hữu tài sản là căn nhà ba tầng công trình khép kín được xây dựng trên đất có tổng

giá trị 2.301.783.800 đồng. Chia cho ông Trạ được quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản trên đất tại thửa 270, và quyền sử dụng đất ở nằm tại thửa 265, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định. Bà Hà có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trạ số tiền là 454.537.900 đồng. Về nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay 500.000.000 đồng vào ngày 04/6/2021. Bà Hà yêu cầu buộc ông Trạ trả cho bà Hà số tiền là 250.000.000 đồng tương ứng với $\frac{1}{2}$ khoản vay vào ngày 07/9/2020 và 03/2/2021. Đối trừ chênh lệch về nghĩa vụ thanh toán khi chia tài sản giữa tài sản có và tài sản nợ, bà Hà còn phải thanh toán cho ông Trạ số tiền là 204.537.900 đồng.

+ Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Bùi Văn Tr và người đại diện theo pháp luật của bị đơn trình bày:

Về tài sản: Ông Trạ và bà Hà có mua mảnh đất nằm tại mặt đường Vàng thuộc thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định có diện tích 70m². Phần đất này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trạ bà Hà. Trên phần đất này vào năm 2011, ông bà có xây 1 ngôi nhà 3 tầng trên toàn bộ diện tích đất trên. Chi phí xây dựng căn nhà vì đã lâu nên ông không nhớ. Còn đối với 2 thửa đất nằm tại thôn Nhất - thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định là của ông bà và các cụ ngày xưa để lại gồm mảnh đất tại thửa 270 tờ bản đồ số 23 có diện tích 155m² đất ở, là của ông Bùi Văn Diễm và bà Bùi Thị Diễm (là bố mẹ đẻ của ông) đã để lại cho ông. Trên phần đất này trước khi lấy bà Hà năm 1996 ông có xây một nhà cấp 4 đến năm 2002 thì xây dựng căn nhà 2 tầng và công trình phụ. Hiện nay ông đang sử dụng căn nhà này khoảng nửa năm nay. Đối với mảnh đất vườn tại thửa số 265 tờ bản đồ số 23, diện tích 190m² là của các cụ nhà ông để lại. Mảnh đất vườn này hiện nay đang để không, không canh tác gì.

Quan điểm của ông Trạ: Đối với phần đất của bố mẹ ông và của các cụ nằm tại thửa số 265, số 270 tờ bản đồ số 23 là của các cụ đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông nên nó là tài sản của riêng ông không phải của bà Hà nên không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Đối với tài sản chung là mảnh đất ở đường Vàng chia cho 5 thành viên gồm ông bà và 3 đứa con. Ngoài ra bà Hà phải trả cho ông số tiền 2 tỷ đồng vì lý do như sau: khi bà Hà lấy ông về không có nghề nghiệp gì, ông đã có xưởng sản xuất khăn xếp sau này do ông già yếu nên đã để cho bà Hà quản lý. Ông là người tạo nên nên móng thương hiệu

khăn xếp của gia đình nên bà Hà phải trả tiền cho ông là phù hợp. Đối với khoản vay ngân hàng công thương tỉnh Nam Định 500 triệu đồng bà Hà cho người đe dọa buộc ông ký vì vậy đối với khoản vay này ông không chịu trách nhiệm. Bà Hà phải tự chịu trách nhiệm ông không có nghĩa vụ trả cùng. Ngoài ra, ông còn đề nghị Tòa án chia cho ông 80% tài sản chung mà ông bà tạo dựng được vì công sức của ông tạo dựng lên thương hiệu, hiện ông đang mắc bệnh sức khỏe yếu nên giờ ông bị thất nghiệp, sau khi làm nhà xong do áp lực của hàng xóm nên ông bị mắc bệnh trầm cảm, huyết áp cao, bệnh tật rất nhiều, hiện nay bà Hà đã đi lấy chồng khác còn ông hiện đang nuôi các con.

Tại công văn số 477/CV-CNNĐ – TH ngày 05/8/2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Định có nội dung như sau: Theo hợp đồng tín dụng số TD2168074/2021-HĐCVHM/NHCT380 ngày 04/6/2021 thì ông Bùi Văn Tr và bà Nguyễn Thị H tính đến ngày 05/8/2021 còn tiền gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi là 2.695.890 đồng. Tài sản đảm bảo là nhà đất thuộc sở hữu của ông Trạng, bà Hà tại thửa số 71, tờ bản đồ số 22 ở đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định. Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng trong việc thu hồi toàn bộ khoản nợ gốc, lãi vay. Ngày 24/10/2022, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, chi nhánh Nam Định có xác nhận bà Hà đã thanh toán toàn bộ gốc và lãi. Ngoài ra, còn xác nhận khoản vay 150.000.000 đồng giải ngân ngày 03/02/2021 và 350.000.000 đồng giải ngân ngày 07/9/2020 đã được bà Hà thanh toán hết vào ngày 27/07/2021.

Từ nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 109/2022/HNGĐ-ST ngày 30-11-2022 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định, đã quyết định:

Căn cứ Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật HNGĐ năm 2000; Điều 37, Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật HNGĐ năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

1.1. Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đất ở với diện tích 70 m² tại thửa đất số thửa 71, tờ bản đồ số 22, ở đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định. Phần đất này có vị trí như sau: Phía Bắc giáp

đất ruộng dài 4,5m; Phía Nam giáp đường Vàng dài 4,5m; Phía Đông giáp đất ông Bồng dài 15,55m; Phía Tây giáp đất anh Đỗ dài 15,55m (*có sơ đồ kèm theo*). Và được quyền sở hữu có căn nhà mái bằng 3 tầng xây dựng trên phần đất được chia. Bà Hà có trách nhiệm thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Trạm số tiền là 781.964.700 đồng.

1.2. Chia cho ông Bùi Văn Tr được quyền sử dụng đất ở có diện tích 155 m², nằm tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 23, ở Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, vị trí như sau: Phía Bắc giáp đất ông Diên dài 8,5m; Phía Nam giáp đất con ông Vi dài 7,5m; Phía Đông giáp ngõ xóm dài 19,6m; Phía Tây giáp đất anh Lực dài 19,7m (*có sơ đồ kèm theo*). Và được quyền sở hữu có căn nhà mái bằng 2 tầng và các công trình xây dựng trên phần đất được chia. Và được quyền sử dụng đất vườn có diện tích 190 m² nằm tại thửa đất số 265, tờ bản đồ số 23, ở Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định. Phần đất này có vị trí như sau: Phía Bắc giáp đường xóm dài 17m; Phía Nam giáp đất ông Tăng dài 14 m; Phía Đông giáp đất ông Chư dài 12,3m; Phía Tây giáp đường xóm dài 11,9m (*có sơ đồ kèm theo*). Ngoài ra, ông Trạm được nhận thanh toán chênh lệch giá trị tài sản từ bà Hà với số tiền là 781.964.700 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thanh toán, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 30-12-2022, anh Bùi Thế A (là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Bùi Văn Tr) có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản công nợ chung của vợ chồng, đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét xác định tài sản chung của vợ chồng là thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m² và ngôi nhà ở ba tầng xây dựng trên đất; còn thửa đất số 270 và thửa đất số 265, đều tại bản đồ số 23, là đất của ông cha, không phải tài sản chung của ông Trạm và bà Hà, đồng thời xem xét nợ Ngân hàng đã thanh toán đủ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, bà Hà có đơn xin tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị H xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng diện tích 155 m² đất tại thửa đất số 270, và quyền sử dụng

diện tích 190 m² đất vườn tại thửa đất số 265, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại tổ dân phố số 4 thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định.

Bà Nguyễn Thị H vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sở hữu căn nhà mái bằng 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 2, có địa chỉ tại tổ dân phố số 4 thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m², địa chỉ tại đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định; đối với khoản nợ chung của vợ chồng đã vay 500 triệu đồng tại Ngân hàng công thương, hiện bà Hà đã tự trả nợ đủ cho Ngân hàng, vì vậy bà Hà đề nghị buộc ông Trạng phải thanh toán cho bà ½ công nợ chung là 250 triệu đồng. Bà Hà cũng đề nghị được chia hiện vật là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m², địa chỉ tại đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, vì hiện nay bà Hà và các con không còn nơi ở nào khác.

+ Người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Người đại diện và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến và tranh luận về yêu cầu kháng cáo như sau: Không nhất trí quyết định của bản án sơ thẩm. Quá trình tố tụng cấp sơ thẩm đã có rất nhiều vi phạm như thủ tục tổng đạt cho phía bị đơn không đảm bảo không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Biên bản nghị án không ghi ngày giờ nghị án, trình tự nghị án cũng không đúng quy định tố tụng. Về nội dung, ngôi nhà 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m², địa chỉ tại đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, do ông Trạng bà Hà tạo dựng lên, tuy nhiên xét công sức đóng góp của ông Trạng là chính, hiện ông Trạng và con trai đang ở tại ngôi nhà này để kinh doanh mưu sống, bà Hà đã bỏ đi lấy chồng khác; Cấp sơ thẩm đã quyết định giao nhà cho bà Hà và bà Hà thanh toán trị giá chênh lệch cho ông Trạng, là không xem xét đến công sức đóng góp và hoàn cảnh sinh sống thực tế hiện tại của bố con ông Trạng, là không đúng với quy định của Luật HNGĐ.

Đối với nhà đất tại thửa đất số 270, và diện tích 190 m² đất vườn tại thửa đất số 265, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, là của bố mẹ đẻ của ông Trạng để lại, anh chị em ông Trạng chưa ký văn bản để cho ông Trạng, cấp sơ thẩm đã xác định là tài sản chung của

ông Trạm-bà Hà và đem ra chia, là không có căn cứ pháp lý, chưa xem xét thu thập tài liệu chứng cứ về nguồn gốc khối tài sản.

Về khoản nợ tại Ngân hàng công thương, cấp sơ thẩm cũng chưa thu thập tài liệu chứng cứ xem nguồn tiền Ngân hàng đã giải ngân vào tài khoản nào, cho ai sử dụng? mà đã quy kết là công nợ chung của ông Trạm bà Hà, và buộc ông Trạm phải trả cho bà Hà số tiền 250 triệu đồng là không có căn cứ pháp lý.

Từ những phân tích trên, người đại diện theo pháp luật của ông Trạm và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 308, Điều 310 BLTTDS, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ để TAND huyện Nam Trực giải quyết lại vụ án.

+ Người làm chứng ông Bùi Văn Bài (anh trai của bị đơn Bùi Văn Tr) có ý kiến trình bày như sau: Nguồn gốc diện tích 155 m² đất tại thửa đất số 270, và diện tích 190 m² đất vườn tại thửa đất số 265, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, là của bố mẹ đẻ của ông, bố mẹ chết không để lại di chúc, vì vậy quyền quản lý sử dụng 02 thửa đất này thuộc 05 anh em của ông. Anh chị em ông không làm thủ tục tặng cho vợ chồng ông bà Trạm-Hà, không hiểu sao ông Trạm bà Hà lại được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này. Anh chị em ông không nhất trí với quyết định của Tòa án Nam Trực cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng ông bà Trạm-Hà. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này.

Ông Bài có ý kiến trình bày về ngôi nhà 02 tầng xây dựng trên thửa đất số 270 như sau: Năm 1996, khi ông Trạm và bà Hà lấy nhau, đã về ở tại ngôi nhà gỗ cấp 04 của bố mẹ ông để lại trên thửa đất số 270. Năm 2003, ông Trạm bà Hà đã dỡ ngôi nhà gỗ cấp 4 xây thành nhà 02 tầng. Tiền xây nhà 02 tầng gồm một phần tiền bán nguyên vật liệu (là gỗ) của ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ ông để lại, tiền của ông Trạm bà Hà, và ông Bài có góp 2 cây vàng để xây (*nhưng ông Bài không xuất trình được tài liệu chứng cứ về việc góp 2 cây vàng*).

+ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp

hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Xét nội dung đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn và Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xin được rút một phần yêu cầu khởi kiện, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn tự nguyện, nên được chấp nhận, vì vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm tuyên hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án về việc phân chia tài sản là quyền sử dụng diện tích 155 m² đất tại thửa đất số 270, và quyền sử dụng diện tích 190 m² đất tại thửa đất số 265, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại tổ dân phố số 4 thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định.

Đối với phần tài sản chung bà Hà yêu cầu phân chia là căn nhà 02 tầng tại thửa 270 và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền trên đất tại thửa 71: Xét thấy, các tài sản này được hình thành trong thời kỳ hôn nhân cần xác định khối tài sản trên là tài sản chung của vợ chồng ông Trạm, bà Hà và chia cho ông Trạm, bà Hà mỗi người được hưởng 50% giá trị tài sản. Về phân chia bằng hiện vật: Vợ chồng ông Trạm, bà Hà có tài sản chung là 02 căn nhà tại thửa 270 và thửa 71. Ông Trạm, bà Hà đều có nhu cầu về chỗ ở, xét thấy nguồn gốc thửa đất 270 là của bố mẹ ông Trạm, nguyện vọng của các anh em ông Trạm mong muốn được thờ cúng bố mẹ trên mảnh đất này. Do đó, để phù hợp điều kiện thực tế và tạo thuận lợi cho việc thi hành án, đề nghị giao cho bà Hà được quyền sử dụng thửa đất 71 và tài sản gắn liền trên đất, giao cho ông Trạm được sở hữu căn nhà 02 tầng tại thửa 270. Bà Hà có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Trạm.

Đối với 02 khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định tổng số tiền 500.000.000 đồng. Xét thấy, các khoản vay này đều do ông Trạm, bà Hà ký hợp đồng vay trong thời kỳ hôn nhân, bà Hà đã thanh toán hết số tiền vay vào thời điểm 27/7/2021 sau khi ông Trạm, bà Hà đã ly hôn. Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Trạm có nghĩa vụ trả cho bà Hà 250.000.000 đồng tiền gốc là phù hợp.

Căn cứ khoản 2 điều 308 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14; chấp nhận một phần kháng cáo của anh Thế Anh, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng: Hủy một phần bản án sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung là quyền

sử dụng thửa đất số 265 và số 270 tờ bản đồ số 23 Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định; chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là căn nhà 02 tầng tại thửa 270 và quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền trên đất tại thửa 71 tờ bản đồ số 22, ở Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định Định và yêu cầu ông Trầm thanh toán 250 triệu đồng tương đương $\frac{1}{2}$ khoản vay ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định của bà Hà; phân chia tài sản chung theo hướng phân tích trên. Án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn làm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự tố tụng phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của của người đại diện theo pháp luật của bị đơn và xét đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Ngày 22-5-2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà Hà không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng diện tích 155 m² đất tại thửa đất số 270, và quyền sử dụng diện tích 190 m² đất tại thửa đất số 265, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại tổ dân phố số 4 thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định. Xét thấy bà Hà rút một phần yêu cầu khởi kiện hoàn toàn tự nguyện, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, do đó căn cứ khoản 4 Điều 308 BLTTDS, hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ việc giải quyết vụ án về việc phân chia tài sản là quyền sử dụng diện tích 155 m² đất tại thửa đất số 270, và quyền sử dụng diện tích 190 m² đất tại thửa đất số 265, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại tổ dân phố số 4 thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H về việc chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sở hữu căn nhà mái bằng 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại tổ dân phố số 4 thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m², địa chỉ tại đường Vàng tổ dân phố số 4 thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực -

tỉnh Nam Định; đối với khoản nợ chung của vợ chồng đã vay 500 triệu đồng tại Ngân hàng công thương, hiện bà Hà đã tự trả nợ đủ cho Ngân hàng, vì vậy bà Hà đề nghị buộc ông Trạng phải thanh toán cho bà Hà $\frac{1}{2}$ công nợ chung là 250 triệu đồng.

Nhận thấy, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn Tr đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Năm 2021 bà Hà và ông Trạng đã được Tòa án xử cho ly hôn theo bản án số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02-3-2021. Nay bà Hà làm đơn khởi kiện chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, TAND huyện Nam Trực thụ lý giải quyết là có căn cứ pháp lý.

+ Về công nợ chung của vợ chồng: Xem xét các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam chi nhánh Nam Định, thấy đối với Hợp đồng tín dụng vay số tiền 150.000.000 đồng, được giải ngân ngày 03-02-2021, và Hợp đồng tín dụng vay 350.000.000 đồng, giải ngân ngày 07-9-2020, cả hai hợp đồng tín dụng đều thể hiện người vay tiền là ông Trạng, bà Hà; đều có chữ ký của ông Trạng và bà Hà, tại thời điểm vay tiền thì ông Trạng và bà Hà vẫn đang là vợ chồng - chưa ly hôn; Vì vậy 02 hợp đồng tín dụng vay tiền nói trên có căn cứ xác định là công nợ chung của ông Trạng và bà Hà. Theo tài liệu xác minh, ngày 27-7-2021, bà Hà đã tự thanh toán với Ngân hàng cả hai khoản vay trên, thời điểm nay ông Trạng và bà Hà đã ly hôn. Vì vậy theo yêu cầu của bà Hà, cấp sơ thẩm đã buộc ông Trạng phải trả cho bà Hà 250.000.000 đồng (trị giá $\frac{1}{2}$ khoản tiền vay của 02 hợp đồng tín dụng) là có căn cứ pháp lý.

+ Về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng được xây dựng trên thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m², địa chỉ tại đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, bà Hà và ông Trạng đều thống nhất xác định đây là tài sản do ông bà tự tạo lập xây dựng khi vợ chồng chưa ly hôn; Vì vậy căn cứ Điều 33, Điều 59 Luật HNGĐ xác định quyền sử dụng đất và quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng được xây dựng trên thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m² là tài sản chung của ông Trạng bà Hà được hình thành trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, do công sức của cả hai ông bà tự gây dựng tạo lập nên, vì vậy sẽ chia tài sản chung của vợ chồng theo tỷ lệ ông Trạng 50%, bà Hà 50%.

Theo kết quả định giá thì: Trị giá quyền sử dụng đất là 1.400.000.000 đồng + trị giá quyền sở hữu nhà là 901.783.800 đồng = 2.301.783.800 đồng.

Chia tỷ lệ 50%-50%, ông Trạm, bà Hà mỗi người được hưởng là 1.150.891.900 đồng.

+ Đối với quyền sở hữu ngôi nhà mái bằng 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 2, có địa chỉ tại tổ 4 thị trấn Nam Giang - huyện Nam Trực - tỉnh Nam Định, ông Trạm và bà Hà cùng thống nhất ý kiến ngôi nhà được xây dựng năm 2003 trên phần diện tích đất của bố mẹ ông Trạm. Theo lời trình bày của ông Trạm, bà Hà, phía anh em gia đình ông Trạm, có căn cứ xác định năm 1996 khi ông Trạm bà Hà kết hôn đã về chung sống trong ngôi nhà gỗ cấp 4 của bố mẹ ông Trạm. Đến năm 2003, ông Trạm bà Hà đã phá nhà gỗ cấp 4 để xây thành ngôi nhà 02 tầng. Nguồn tiền xây nhà 02 tầng do ông Trạm và Hà đóng góp, trong đó có một phần tiền bán nguyên vật liệu nhà gỗ cấp 4 của bố mẹ ông Trạm để lại. Vì vậy, xác định quyền sở hữu ngôi nhà mái bằng 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 270 là tài sản chung của ông Trạm bà Hà được hình thành trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp; xét nguồn gốc tạo lập xây dựng lên ngôi nhà 02 tầng này, sẽ chia tài sản chung của vợ chồng theo tỷ lệ ông Trạm 60%, bà Hà 40%.

Theo kết quả định giá thì trị giá quyền sở hữu ngôi nhà hai tầng là 407.764.000 đồng; chia theo tỷ lệ ông Trạm 60%, bà Hà 40% thì ông Trạm được hưởng 244.658.400 đồng, bà Hà được hưởng 163.105.600 đồng.

Như vậy, chia tài sản chung của vợ chồng, ông Trạm được hưởng 1.395.550.300 đồng, bà Hà được hưởng 1.313.997.500 đồng.

Ông Bùi Văn Bài - là anh trai của ông Bùi Văn Tr trình bày tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng quá trình xây dựng ngôi nhà 2 tầng trên thửa đất số 270 ông Bài có đóng góp 2 cây vàng, tuy nhiên ngoài lời trình bày thì ông Bài không đưa ra được tài liệu chứng cứ pháp lý về việc này; Mặt khác tại cấp sơ thẩm ông Bài không đưa ra ý kiến này, lên cấp phúc thẩm mới đưa ra ý kiến, vì vậy theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét ý kiến này của ông Bài.

Do hiện nay ông Trạm và bà Hà đều có nhu cầu cần chỗ ở; xét nguồn gốc ngôi nhà 03 tầng xây dựng trên đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m², địa chỉ tại đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, do chính ông bà Trạm-Hà tạo lập xây dựng lên. Đối với ngôi nhà 02 tầng được xây dựng trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại Tổ dân phố số 4 - thị trấn

NG - huyện NT - tỉnh Nam Định, thì thấy nhà do ông bà Trạm-Hà xây dựng tạo lập lên còn diện tích đất nguồn gốc là của bố mẹ ông Trạm, hiện nay các anh chị em phía gia đình ông Trạm muốn giữ diện tích đất này làm nơi thờ cúng gia tiên; Vì vậy căn cứ thực trạng sử dụng đất và nhu cầu sử dụng tài sản của các bên thấy cần chia cho bà Hà được quyền sở hữu ngôi nhà 03 tầng được xây dựng trên thửa đất số thửa 71, tờ bản đồ số 22, có địa chỉ tại đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định; Chia cho ông Bùi Văn Tr được quyền sở hữu ngôi nhà 02 được xây dựng trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định.

Trên cơ sở định giá tài sản, trị giá tài sản chung các bên được phân chia, phần tài sản được giao quyền quản lý sử dụng, thì bà Hà phải thanh toán trị giá chênh lệch tài sản cho ông Trạm là 2.301.783.800 đồng - 1.313.997.500 đồng = 987.786.300 đồng. Vì ông Trạm có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Hà 250.000.000 đồng tiền nợ Ngân hàng mà bà Hà đã trả thay cho ông Trạm, khấu trừ đi phần nợ này, bà Hà còn phải thanh toán tiền chênh lệch cho ông Trạm số tiền là 987.786.300 đồng – 250.000.000 đồng = 677.786.300 đồng.

Kháng cáo của anh Bùi Thế A (là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Bùi Văn Tr) trình bày tại phiên tòa phúc thẩm được chấp nhận một phần về việc không phân chia tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 265 và thửa đất số 270, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định.

[3] Về án phí: Do nguyên đơn rút một phần khởi kiện, nên Hội đồng xét xử sẽ tính lại phần án phí dân sự giá ngạch cho các đương sự.

Kháng cáo của anh Bùi Thế A (là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Bùi Văn Tr) được chấp nhận một phần nên anh Bùi Thế A không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, Hội đồng phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Bùi Thế A (là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Bùi Văn Tr); Sửa bản án sơ thẩm

2. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H:

Hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án đối với việc phân chia tài sản là quyền sử dụng thửa đất số 265 và thửa đất số 270, đều thuộc tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định.

3. Căn cứ Điều 213 Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật HNGĐ năm 2000; Điều 37, Điều 56, Điều 59, Điều 60, Điều 62 Luật HNGĐ năm 2014;

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung sau ly hôn của bà Nguyễn Thị H đối với quyền sở hữu căn nhà mái bằng 2 tầng được xây dựng trên thửa đất số 270, tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định; quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 22, có diện tích 70 m², địa chỉ tại đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định; và khoản nợ chung của vợ chồng đã vay 500 triệu đồng tại Ngân hàng công thương.

3.2. Chia cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đất và quyền sở hữu căn nhà mái bằng 3 tầng được xây dựng trên diện tích đất 70 m² tại thửa đất số thửa 71, tờ bản đồ số 22, có địa chỉ tại đường Vàng Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định. Phần đất này có vị trí như sau: Phía Bắc giáp đất ruộng dài 4,5m; Phía Nam giáp đường Vàng dài 4,5m; Phía Đông giáp đất ông Bồng dài 15,55m; Phía Tây giáp đất anh Đỏ dài 15,55m (*có sơ đồ kèm theo*).

Bà Hà có trách nhiệm thanh toán trị giá chênh lệch tài sản cho ông Trạng số tiền là 677.786.300 đồng.

3.3. Chia cho ông Bùi Văn Tr được quyền sở hữu căn nhà mái bằng 2 tầng được xây dựng trên phần diện tích đất nằm tại thửa đất số 270, tờ bản đồ số 23, có địa chỉ tại Tổ dân phố số 4 - thị trấn NG - huyện NT - tỉnh Nam Định (*có sơ đồ kèm theo*).

Ông Trạng được nhận thanh toán trị giá chênh lệch tài sản từ bà Hà số tiền là 677.786.300 đồng.

3.4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 51.419.925 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 57.500.000 đồng mà bà Hà đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000504 ngày 28-7-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực, bà Hà được hoàn trả lại số tiền là 6.080.075 đồng.

Ông Bùi Văn Tr phải nộp án phí chia tài sản là 53.866.509 đồng và án phí nghĩa vụ trả nợ là 12.500.000 đồng.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Bùi Thế A (là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Bùi Văn Tr) không phải nộp.

Anh Bùi Thế A được hoàn trả lại 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0004847 ngày 03-01-2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực;

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo - kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh ND
- TAND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tòa DS.

Vũ Thị Mai Hương

